

QUY TẮC BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN XE CƠ GIỚI

(Ban hành kèm theo Công Văn chấp thuận đăng ký sản phẩm bảo hiểm vật chất xe ô tô số 14567/BTC-QLBH kí ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài Chính và Quyết Định Số 271/2018/UIC-QĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Tổng Giám Đốc Công ty Bảo Hiểm Liên Hiệp)

PHẦN 1

QUY TẮC BẢO HIỂM VẬT CHẤT XE Ô TÔ

PHẦN I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

PHẦN II. QUY ĐỊNH CHUNG

- Điều 1. Hợp Đồng Bảo Hiểm
- Điều 2. Thời hạn bảo hiểm
- Điều 3. Chấm dứt hợp đồng bảo hiểm
- Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của UIC
- Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm
- Điều 6. Giám định tổn thất
- Điều 7. Hồ sơ bồi thường
- Điều 8. Bảo hiểm trùng
- Điều 9. Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện

PHẦN III. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

- Điều 10. Phạm vi bảo hiểm
- Điều 11. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm
- Điều 12. Số tiền bảo hiểm và giá trị bảo hiểm (giá thị trường)
- Điều 13. Giải quyết quyền lợi bảo hiểm
- Điều 14. Mức khấu trừ
- Điều 15. Giảm trừ bồi thường
- Điều 16. Thanh toán phí bảo hiểm

PHẦN IV. ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG

PHẦN I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Quy Tắc này, các thuật ngữ được hiểu như sau:

1. "Doanh Nghiệp Bảo Hiểm" hoặc công ty bảo hiểm là Công ty Bảo Hiểm Liên Hiệp (viết tắt là UIC).
2. "Bên Mua Bảo Hiểm" là tổ chức hoặc cá nhân giao kết Hợp Đồng Bảo Hiểm với UIC và là người đóng phí bảo hiểm. Bên Mua Bảo Hiểm có thể đồng thời là chủ xe và Người Được Bảo Hiểm.
3. "Người Được Bảo Hiểm" là tổ chức hoặc cá nhân có xe ô tô được bảo hiểm theo Hợp Đồng Bảo Hiểm và là người được nhận bồi thường.
4. "Chủ xe" là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu xe ô tô hoặc được chủ sở hữu xe ô tô giao chiếm hữu, sử dụng hợp pháp xe ô tô.
5. "Xe ô tô" bao gồm xe ô tô con, xe bán tải, xe tải, xe khách, xe buýt, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô đầu kéo.... Không bao gồm xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, xe đạp điện, xe máy điện và các loại xe tương tự.
6. "Giá thị trường của xe" hay "giá xe" là giá mua bán trên thị trường của chiếc xe cùng chủng loại, cùng năm sản xuất, cùng hãng sản xuất (make), cùng mẫu xe (model), cùng km đã sử dụng hoặc thời gian sử dụng xe, cùng mục đích sử dụng.
7. "Thời gian sử dụng xe" là khoảng thời gian tính từ tháng đăng ký lần đầu tại Việt Nam đến tháng giao kết hợp đồng bảo hiểm. Đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng ở nước ngoài, thì thời gian sử dụng tính từ tháng một của năm sản xuất đến tháng giao kết hợp đồng bảo hiểm.
8. "Phí bảo hiểm" là khoản tiền mà Chủ xe/Bên Mua Bảo Hiểm/Người Được Bảo Hiểm phải đóng cho UIC hoặc đại diện hợp pháp của UIC theo thời hạn và phương thức do các bên thỏa thuận trong Hợp Đồng Bảo Hiểm.

9. “Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm” là Bên Mua Bảo Hiểm hoặc/và Người Được Bảo Hiểm hoặc/và chủ xe hoặc đại diện hợp pháp của họ.
10. “Bên thứ ba” là bên liên quan đến thiệt hại xe được bảo hiểm loại trừ UIC, lái xe, Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm.

PHẦN II. QUY ĐỊNH CHUNG

Trên cơ sở các thông tin kê khai về xe ô tô yêu cầu bảo hiểm của Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm và với điều kiện Phí Bảo Hiểm đã được thanh toán đầy đủ theo quy định, công ty Bảo Hiểm Liên Hiệp đồng ý bảo hiểm cho những thiệt hại đối với xe ô tô xảy ra trong Thời Hạn Bảo Hiểm theo các điều khoản và điều kiện quy định dưới đây.

Điều 1. Hợp Đồng Bảo Hiểm

Hợp Đồng Bảo Hiểm xe ô tô là sự thoả thuận giữa Bên Mua Bảo Hiểm và UIC, theo đó Bên Mua Bảo Hiểm phải đóng đủ phí bảo hiểm, UIC phải bồi thường cho Người Được Bảo Hiểm/chủ xe khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Hợp Đồng Bảo Hiểm phải được lập thành văn bản. Tùy đối tượng khách hàng và hình thức phát hành Hợp Đồng Bảo Hiểm của UIC, Hợp Đồng Bảo Hiểm bao gồm một phần hoặc toàn bộ các loại hình văn bản sau:

1. Các điều khoản sửa đổi, các điều khoản bổ sung
2. Giấy chứng nhận bảo hiểm
3. Bản Hợp Đồng Bảo Hiểm hoặc Đơn bảo hiểm hoặc Bản tóm tắt Hợp Đồng Bảo Hiểm
4. Quy Tắc bảo hiểm này
5. Giấy yêu cầu bảo hiểm
6. Tài liệu hoặc văn bản khác (nếu có).

Thứ tự ưu tiên áp dụng điều khoản và điều kiện quy định trong hợp đồng bảo hiểm sẽ theo thứ tự nêu trên.

Điều 2. Thời Hạn Bảo Hiểm

1. Thời hạn bảo hiểm có thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc được ghi trong Hợp Đồng Bảo Hiểm.
2. Trong trường hợp chuyển quyền sở hữu xe, Hợp Đồng Bảo Hiểm chỉ có hiệu lực với chủ xe mới khi Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm thông báo bằng hình thức văn bản cho UIC về việc chuyển nhượng và UIC có văn bản chấp thuận việc chuyển nhượng đó.

Trong trường hợp, Hợp Đồng Bảo Hiểm không quy định về giờ bắt đầu và giờ kết thúc, thời điểm bắt đầu bảo hiểm sẽ được hiểu bắt đầu từ 0 giờ 1 phút ngày bắt đầu và kết thúc lúc 23 giờ 59 phút ngày kết thúc.

Điều 3. Chấm Dứt Hợp Đồng Bảo Hiểm

1. Tự động chấm dứt Hợp Đồng Bảo Hiểm trước thời hạn

Trong mọi trường hợp nếu Phí bảo hiểm không được đóng đầy đủ và đúng hạn theo Thời hạn thanh toán Phí bảo hiểm đã thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm giao kết ban đầu và UIC không có thoả thuận cho Chủ hợp đồng bảo hiểm nợ phí theo quy định pháp luật, thì Hợp Đồng Bảo Hiểm và hiệu lực bảo hiểm sẽ tự động bị chấm dứt.

Khi hết Thời hạn thanh toán Phí bảo hiểm đó (mà không phụ thuộc vào bất kỳ điều kiện nào khác), UIC không có nghĩa vụ gửi thông báo về việc chấm dứt này cho Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm, dù trước hay sau thời điểm bị chấm dứt.

UIC không có nghĩa vụ bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào xảy ra kể từ ngày Hợp Đồng Bảo Hiểm bị chấm dứt. Nhưng, cho dù nếu không có tổn thất (hoặc sự kiện bảo hiểm) xảy ra trước ngày Hợp Đồng Bảo Hiểm bị tự động chấm dứt, Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm vẫn phải trả cho UIC đủ phần Phí bảo hiểm tính từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm cho đến ngày Hợp Đồng Bảo Hiểm bị tự động chấm dứt.

2. Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Bảo Hiểm trước thời hạn

Trong thời hạn bảo hiểm, một trong hai bên (UIC và Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm) có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Bảo Hiểm trước thời hạn bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên kia trước thời điểm chấm dứt tối thiểu 07 (bảy) ngày mà không cần đưa ra bất kỳ lý do gì.

Trường hợp Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm đơn phương chấm dứt hợp đồng: trong 15 ngày từ thời điểm chấm dứt, UIC phải hoàn lại 70% Phí bảo hiểm tương ứng của thời gian còn lại của Hợp Đồng Bảo Hiểm. Nhưng UIC không phải hoàn Phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Trường hợp UIC đơn phương chấm dứt hợp đồng: trong 15 ngày từ thời điểm chấm dứt, UIC phải hoàn lại Phí bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của Hợp Đồng Bảo Hiểm.

Điều 4. Quyền và Nghĩa Vụ của UIC

1. UIC có quyền
 - 1.1. Thu phí bảo hiểm theo thoả thuận trong Hợp Đồng Bảo Hiểm.
 - 1.2. Yêu cầu Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin liên quan đến việc giao kết và thực hiện Hợp Đồng Bảo Hiểm.
 - 1.3. Từ chối bồi thường cho Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm trong trường hợp không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm hoặc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo thoả thuận trong Hợp Đồng Bảo Hiểm.
 - 1.4. Yêu cầu Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của pháp luật.
 - 1.5. Yêu cầu người thứ ba bồi hoàn số tiền mà UIC đã bồi thường cho Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm do người thứ ba gây ra đối với chiếc xe ô tô được bảo hiểm.
 - 1.6. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
2. UIC có nghĩa vụ
 - 2.1. Giải thích cho Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm về điều kiện, điều khoản bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm khi tham gia bảo hiểm.
 - 2.2. Cấp Hợp Đồng Bảo Hiểm cho Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm sau khi giao kết Hợp Đồng Bảo Hiểm.
 - 2.3. Trả tiền bồi thường bảo hiểm trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ, không quá 30 ngày trong trường hợp UIC phải tiến hành xác minh hồ sơ.

Trong trường hợp UIC không đủ thẩm quyền để xác minh các yếu tố trong hồ sơ thì hồ sơ bồi thường được coi là đầy đủ và hợp lệ sau khi có kết luận chính thức của cơ quan chức năng có thẩm quyền. Sau 90 ngày kể từ ngày UIC có văn bản đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành xác minh mà chưa có kết quả xác minh thì UIC phải chủ động tiến hành xác minh, xem xét giải quyết bồi thường trên cơ sở tài liệu, chứng cứ thu thập được.
 - 2.4. Trường hợp từ chối bồi thường, UIC phải giải thích bằng văn bản lý do từ chối bồi thường trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày UIC nhận được đầy đủ hồ sơ bồi thường hợp lệ.
 - 2.5. Đối với những vụ tổn thất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, khi có yêu cầu của Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm, UIC sẽ phối hợp giải quyết ngay và khi đã xác định trách nhiệm thuộc phạm vi bảo hiểm có thể tạm ứng ngay một phần những chi phí cần thiết nhằm khắc phục hậu quả tổn thất.
 - 2.6. UIC có trách nhiệm hướng dẫn Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm thu thập tài liệu để lập hồ sơ bồi thường theo quy định tại hợp đồng này.
 - 2.7. UIC có trách nhiệm đánh giá lại rủi ro và định phí bảo hiểm trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thay đổi các yếu tố liên quan đến rủi ro của xe được bảo hiểm và có trách nhiệm hoàn phí hoặc thu thêm phí theo tỷ lệ tương ứng với thời hạn còn lại của Hợp Đồng Bảo Hiểm
 - 2.8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền và Nghĩa Vụ của Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm

1. Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm có quyền
 - 1.1. Yêu cầu UIC giải thích các điều kiện, điều khoản trong Hợp Đồng Bảo Hiểm
 - 1.2. Yêu cầu UIC trả bồi thường cho Người Được Bảo Hiểm hoặc Người Được Quyền Thụ Hưởng theo thoả thuận trong Hợp Đồng Bảo Hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.
 - 1.3. Chuyển nhượng Hợp Đồng Bảo Hiểm theo thoả thuận trong Hợp Đồng Bảo Hiểm, Quy Tắc này hoặc theo quy định của pháp luật.
 - 1.4. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
2. Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm có nghĩa vụ
 - 2.1. Đóng Phí bảo hiểm đầy đủ theo thời hạn và phương thức đã thoả thuận trong Hợp Đồng Bảo Hiểm.
 - 2.2. Khi yêu cầu bảo hiểm, Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm phải kê khai đầy đủ, trung thực những nội dung yêu cầu bảo hiểm.
 - 2.3. Tạo điều kiện thuận lợi để UIC xem xét tình trạng xe trước khi nhận bảo hiểm.
 - 2.4. Trường hợp thay đổi mức độ rủi ro được bảo hiểm như thay đổi mục đích sử dụng xe từ không kinh doanh sang kinh doanh vận tải, thay đổi kết cấu xe, hoán cải nâng cấp làm tăng giá trị của xe, thay đổi phạm vi hoạt động của xe, Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm phải thông báo cho UIC trong vòng 15 ngày kể từ ngày có sự thay đổi đó.

2.4.1. Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến giảm các rủi ro được bảo hiểm thì Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm có quyền yêu cầu UIC giảm Phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của Hợp Đồng Bảo Hiểm.

Trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu giảm phí của Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm, UIC phải có văn bản trả lời Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc giảm phí và thời hạn hoàn trả Phí bảo hiểm được giảm.

Trong trường hợp UIC không chấp nhận giảm Phí bảo hiểm thì Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm, nhưng phải thông báo ngay bằng văn bản cho UIC.

2.4.2. Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến tăng các rủi ro được bảo hiểm thì UIC có quyền tính lại Phí bảo hiểm hoặc không chấp thuận bảo hiểm khi rủi ro tăng lên cho thời gian còn lại của Hợp Đồng Bảo Hiểm. Trong trường hợp Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm không chấp nhận tăng Phí bảo hiểm thì UIC có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm, nhưng phải thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm.

2.5. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.

2.6. Khi xảy ra tổn thất, Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm phải có trách nhiệm:

2.6.1. Thông báo ngay đến Tổng Đài (Call-Center/Hotline) của UIC để phối hợp giải quyết, tích cực cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường tổn thất. Đồng thời, thông báo cho cơ quan Công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất (trừ trường hợp bất khả kháng).

2.6.2. Không được di chuyển hoặc tháo gỡ hoặc sửa chữa xe khi chưa có ý kiến chấp thuận của UIC. Trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2.6.3. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng), Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm phải gửi thông báo tổn thất bằng hình thức văn bản cho UIC như công văn, thư điện tử (email), fax hoặc hệ thống website.

2.7. Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm phải trung thực tuyệt đối trong việc thu thập, cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường và tạo điều kiện thuận lợi cho UIC trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó.

2.8. Trường hợp tổn thất xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của Bên thứ ba, Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm phải thực hiện đúng theo các hướng dẫn của UIC để bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho UIC kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ, tài liệu cần thiết và hợp tác chặt chẽ với UIC để đòi lại bên thứ ba trong phạm vi số tiền đã hoặc sẽ được UIC bồi thường.

2.9. Đối với các thiệt hại dẫn đến phải thay thế và được UIC chấp thuận bồi thường, Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm sau khi thực hiện xong công việc thay thế phải có trách nhiệm bàn giao tài sản đã được thay thế cho UIC.

2.10. Khi xe ô tô bị mất trộm hoặc mất cướp, Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm phải thông báo ngay cho cơ quan công an và UIC và thực hiện các công việc theo hướng của cơ quan công an và UIC.

2.11. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Giám Định Tổn Thất

- 1 Khi xảy ra tổn thất, UIC hoặc người được UIC ủy quyền sẽ tiến hành giám định nhằm xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất. Kết quả giám định phải lập thành văn bản có chữ ký của các bên liên quan. UIC chịu trách nhiệm về chi phí giám định.
- 2 Trường hợp Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm không thống nhất về nguyên nhân và mức độ thiệt hại do UIC xác định, hai bên thỏa thuận chọn cơ quan giám định độc lập thực hiện việc giám định. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được việc trung cầu giám định độc lập thì một trong các bên được quyền khởi kiện tại Tòa án nơi xảy ra tổn thất hoặc nơi cư trú của Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm để chỉ định giám định độc lập. Kết luận bằng văn bản của giám định độc lập có giá trị bắt buộc đối với các bên. Trường hợp kết luận của giám định độc lập khác với kết luận giám định của UIC, UIC phải trả chi phí giám định độc lập. Trường hợp kết luận của giám định độc lập trùng với kết luận giám định của UIC, Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm phải trả chi phí giám định độc lập.
- 3 Trong trường hợp đặc biệt, UIC không thể thực hiện được việc giám định thì UIC có trách nhiệm hướng dẫn Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm thu thập đầy đủ thông tin chi tiết về nguyên nhân, diễn biến, mức độ thiệt hại cùng các chứng từ, ảnh chụp thiệt hại và tài liệu liên quan để làm căn cứ xác định bồi thường.

Điều 7. Hồ Sơ Bồi Thường

Đối với mỗi tổn thất thì Hồ sơ bồi thường bao gồm các tài liệu sau đây, phụ thuộc vào yêu cầu của từng trường hợp cụ thể:

- 1 Tài liệu do Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm cung cấp:
 - 1.1. Thông báo tổn thất và yêu cầu bồi thường.
 - 1.2. Tài liệu liên quan đến xe, người điều khiển xe (bản sao có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản photocopy có xác nhận của nhân viên UIC sau khi đã đối chiếu với bản chính) như sau:
 - 1.2.1. Hợp Đồng Bảo Hiểm (toàn bộ hoặc một số văn bản trong Hợp Đồng Bảo Hiểm tùy theo yêu cầu của UIC)
 - 1.2.2. Giấy đăng ký xe, Giấy phép lái xe hợp lệ của người điều khiển xe bị tổn thất.
 - 1.2.3. Các giấy tờ liên quan đến mua bán, chuyển nhượng, cho, tặng, uỷ quyền sử dụng xe (nếu có).
 - 1.2.4. Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ (trừ trường hợp xe lưu hành tạm thời có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc hoạt động trong thời gian thực hiện thủ tục đăng ký, kiểm định lần đầu tiên tại Việt Nam.)
 - 1.3. Tài liệu chứng minh thiệt hại về tài sản, bao gồm:
 - 1.3.1. Biên bản ghi nhận thiệt hại, báo giá, hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại
 - 1.3.2. Các giấy tờ chứng minh chi phí cần thiết và hợp lý mà Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm đã chi ra để giảm thiểu tổn thất hay để thực hiện theo chỉ dẫn của UIC.
 - 1.4. Bản án hoặc Quyết định có hiệu lực của Tòa án (nếu có).
 - 1.5. Các tài liệu cần thiết để bảo lưu và/hoặc chuyển quyền cho UIC đòi bồi hoàn từ bên thứ ba gây thiệt hại cho xe theo yêu cầu của UIC.
2. Tài liệu do UIC phối hợp với Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm để thu thập:
 - 2.1. Bản sao có xác nhận của cơ quan công an trong trường hợp tai nạn có sự tham gia giải quyết của cơ quan công an, bao gồm:
 - 2.1.1. Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn. (nếu có)
 - 2.1.2. Sơ đồ hiện trường tai nạn, bản ảnh. (nếu có)
 - 2.1.3. Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn. (nếu có)
 - 2.1.4. Thông báo sơ bộ kết quả điều tra ban đầu vụ tai nạn.(nếu có)
 - 2.1.5. Biên bản giải quyết tai nạn và bản kết luận điều tra tai nạn hoặc tương đương.(nếu có)
 - 2.1.6. Biên bản thỏa thuận/hòa giải (nếu có)
 - 2.2. Các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của bên thứ ba.
 - 2.3. Biên bản giám định thiệt hại được các bên thống nhất.
- 3 Trường hợp xe bị mất trộm hoặc mất cướp bộ phận hoặc toàn bộ, UIC phối hợp với Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm để thu thập:
 - 3.1. Đơn trình báo mất trộm, mất cướp với cơ quan công an có xác nhận của cơ quan công an.
 - 3.2. Quyết định khởi tố và điều tra hình sự (nếu có) liên quan đến mất trộm, mất cướp ô tô được bảo hiểm.
 - 3.3. Quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ khởi tố vụ án hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp ô tô được bảo hiểm (nếu có).
 - 3.4. Khai báo bị mất giấy tờ, tài liệu liên quan đến xe bị mất cắp, mất cướp khi để trên xe có xác nhận của cơ quan công an (nếu có).

Điều 8. Bảo Hiểm Trùng (không áp dụng cho Phần 2 - Bảo hiểm tai nạn lái xe, phụ xe và người ngồi trên xe)

Hợp đồng bảo hiểm trùng là trường hợp Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm giao kết hợp đồng bảo hiểm với hai doanh nghiệp bảo hiểm trở lên để bảo hiểm cho cùng một đối tượng, với cùng điều kiện và sự kiện bảo hiểm. Trong trường hợp tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm, việc giải quyết bồi thường thực hiện theo nguyên tắc sau:

- 1 UIC chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm đã thỏa thuận trên tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các hợp đồng mà Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm đã tham gia bảo hiểm.

2 Tổng số tiền bồi thường của các hợp đồng bảo hiểm không vượt quá tổng số tiền thiệt hại thực tế của xe cơ giới.

Điều 9. Thời Hạn Yêu Cầu Bồi Thường, Khiếu Nại và Thời Hiệu Khởi Kiến

- 1 Thời hạn yêu cầu bồi thường là 01 năm kể từ ngày xảy ra tổn thất. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường.
- 2 Thời hạn khiếu nại về quyết định bồi thường của UIC là 90 ngày kể từ ngày Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm nhận được thông báo bồi thường của UIC. Quá thời hạn nêu trên, UIC sẽ không giải quyết khiếu nại. Trường hợp người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu vì ốm đau, thiên tai, dịch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại.
- 3 Thời hiệu khởi kiện về Hợp Đồng Bảo Hiểm là 03 năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp.
- 4 Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp Đồng Bảo Hiểm, nếu UIC và chủ xe không giải quyết được bằng thương lượng sẽ được đưa ra Tòa án tại Việt Nam giải quyết.

PHẦN III. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 10. Phạm Vi Bảo Hiểm

1. UIC chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm những thiệt hại vật chất đối với xe ô tô do thiên tai, tai nạn bất ngờ, không lường trước được trong những trường hợp sau đây:
 - 1.1. Đâm, va (bao gồm cả va chạm với vật thể khác ngoài xe ô tô), lật, đổ, chìm, rơi toàn bộ xe, bị các vật thể khác rơi vào.
 - 1.2. Hỏa hoạn, cháy, nổ.
 - 1.3. Những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên gây ra.
 - 1.4. Mất toàn bộ xe do trộm, cướp.
2. Ngoài ra, khi xảy ra tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm, UIC còn bồi thường cho Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm những chi phí cần thiết và hợp lý để thực hiện các công việc theo yêu cầu và chỉ dẫn của UIC:
 - 2.1. Chi phí ngăn ngừa hạn chế tổn thất phát sinh thêm, nhưng tối đa không vượt quá 5% số tiền bảo hiểm.
 - 2.2. Chi phí cứu hộ và vận chuyển xe bị thiệt hại tới nơi sửa chữa gần nhất nhưng tối đa không vượt quá 5% số tiền bảo hiểm.
 - 2.3. Đối với tổn thất toàn bộ thuộc phạm vi bảo hiểm, ngoài số tiền bồi thường toàn bộ, UIC sẽ chi trả các khoản chi phí tại Khoản 2, Điều 10 này. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp tổng số tiền bồi thường theo Khoản 2, Điều 10 này, không vượt quá 10% số tiền bảo hiểm.

Điều 11: Loại Trừ Trách Nhiệm Bảo Hiểm

UIC không chịu trách nhiệm bồi thường bảo hiểm trong các trường hợp sau:

1. Hành động cố ý gây thiệt hại của Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm và những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác và sử dụng xe.
2. Tại thời điểm xảy ra tổn thất xe được bảo hiểm không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ theo quy định của pháp luật hiện hành (trừ trường hợp Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm tham gia điều khoản bổ sung và đóng thêm phụ phí bảo hiểm).
3. Tại thời điểm xảy ra tổn thất, người điều khiển xe được bảo hiểm không có Giấy phép lái xe hoặc Giấy phép lái xe không phù hợp hoặc hết hạn đối với loại xe ô tô bắt buộc phải có Giấy phép lái xe. Trường hợp người điều khiển xe được bảo hiểm bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc không thời hạn thì được coi là không có Giấy phép lái xe.
4. Người điều khiển xe được bảo hiểm trong tình trạng có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở, hoặc sử dụng ma túy hoặc chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật.
5. Xe được bảo hiểm đi vào đường cấm hoặc khu vực cấm hoặc đường ngược chiều, rẽ hoặc quay đầu tại nơi bị cấm, vượt đèn đỏ hoặc không chấp hành theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, xe được bảo hiểm đi đêm không có thiết bị chiếu sáng theo quy định.
6. Đưa xe (hợp pháp hoặc trái phép), xe được bảo hiểm dùng để kéo xe khác không tuân thủ quy định của pháp luật hoặc xe vượt quá tốc độ cho phép từ 50% trở lên.
7. Xe được bảo hiểm chở hàng trái phép theo quy định của pháp luật
8. Tổn thất xảy ra ngoài lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam (trừ trường hợp Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm tham gia điều khoản bổ sung và đóng thêm phụ phí bảo hiểm).

9. Tồn thất xảy ra trong những trường hợp: Chiến tranh, khủng bố.
10. Tồn thất do hao mòn tự nhiên hoặc do bản chất vốn có của tài sản hoặc giảm giá trị thương mại hoặc hỏng hóc do khuyết tật vật liệu hoặc hỏng hóc thêm do sửa chữa, trong quá trình sửa chữa (bao gồm chạy thử).
11. Tồn thất đối với động cơ của xe được bảo hiểm do nước trong các trường hợp sau (trừ trường hợp Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm tham gia điều khoản bổ sung và đóng thêm phụ phí bảo hiểm):
 - a. Khi xe hoạt động trong khu vực ngập nước.
 - b. Do hiện tượng nước vào khoang máy gây kích nổ phá hỏng động cơ (thủy kích).
 - c. Lái xe cố tình khởi động lại động cơ đã ngưng hoạt động khi xe hoạt động trong khu vực ngập nước.
12. Tồn thất đối với săm lốp, bạt, thùng xe, nhãn mác dù bất kể nguyên nhân gì (trừ trường hợp Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm tham gia điều khoản bổ sung và đóng thêm phụ phí bảo hiểm). Loại trừ này không áp dụng đối với nhãn mác đi theo xe của nhà sản xuất đã lắp ráp.
13. Mất bộ phận của xe do bị trộm hoặc bị cướp (trừ trường hợp Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm tham gia điều khoản bổ sung và đóng thêm phụ phí bảo hiểm).
14. Mất toàn bộ xe trong trường hợp lừa đảo hoặc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe (xe cho thuê hoặc xe cho mượn hoặc siết nợ hoặc tranh chấp), trừ trường hợp Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm tham gia điều khoản bổ sung và đóng thêm phụ phí bảo hiểm.
15. Thiệt hại xảy ra đối với máy móc, dụng cụ điện hay các bộ phận của thiết bị điện do chạy quá tải, quá áp lực, đoản mạch, tự đốt nóng, hồ quang điện hay rò điện do bất kỳ nguyên nhân nào.
16. Xe được bảo hiểm chở quá tải trọng hoặc quá số lượng người từ trên 50% theo quy định trên giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (đối với xe chở hàng căn cứ vào tải trọng, xe chở người căn cứ vào số người chở trên xe, đối với xe vừa chở người vừa chở hàng căn cứ vào tải trọng hoặc số người chở trên xe).
17. Tồn thất các thiết bị lắp thêm trên xe được bảo hiểm ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp và tồn thất cho xe ô tô gây ra bởi hoặc xuất phát từ các thiết bị lắp thêm này (trừ trường hợp Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm tham gia điều khoản bổ sung và đóng thêm phụ phí bảo hiểm). Trong trường hợp có thỏa thuận khác đối với các thiết bị lắp thêm, tại thời điểm tham gia bảo hiểm, Chủ Hợp Đồng cần phải khai báo hạng mục và giá trị của những linh phụ kiện này và UIC đồng ý và cộng thêm vào giá trị tham gia bảo hiểm để tính phí bảo hiểm.
18. Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm không trung thực trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường, không tạo điều kiện thuận lợi cho UIC trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó.

Điều 12. Số Tiền Bảo Hiểm và Giá Trị Bảo Hiểm (Giá Thị Trường)

1. Số tiền bảo hiểm là số tiền mà Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm yêu cầu UIC bảo hiểm cho xe của mình, được ghi trong Hợp Đồng Bảo Hiểm và không lớn hơn giá thị trường của xe. Trong mọi trường hợp tổng số tiền bồi thường trong toàn bộ thời hạn bảo hiểm không lớn hơn số tiền bảo hiểm.
2. Cơ sở xác định số tiền bảo hiểm là giá thị trường của xe. Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm có thể thỏa thuận tham gia số tiền bảo hiểm bằng hoặc thấp hơn giá thị trường. Trong trường hợp thấp hơn, UIC xác định bồi thường sẽ theo nguyên tắc bảo hiểm dưới giá trị.
 - 2.1 Đối với xe mới (100%): Giá thị trường của xe được xác định là giá bán xe do các hãng bán xe công bố ngay tại thời điểm tham gia bảo hiểm hoặc giá theo hóa đơn và hợp đồng mua bán xe.
 - 2.2 Đối với xe ô tô đã qua sử dụng: giá thị trường của xe là giá bán của chiếc xe cùng chủng loại cùng năm sản xuất, cùng hãng sản xuất (make), cùng mẫu xe (model), cùng km đã sử dụng hoặc thời gian sử dụng xe (tùy theo cách nào hợp lý hơn), cùng mục đích sử dụng theo thỏa thuận mua bán khách quan trong giao dịch thông thường trên thị trường tại thời điểm tham gia bảo hiểm.

Điều 13. Giải Quyết Quyền Lợi Bảo Hiểm

1. Bồi thường tổn thất bộ phận:
 - 1.1. UIC chịu trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế hợp lý để sửa chữa, thay thế (trường hợp không thể sửa chữa được) bộ phận hoặc trả bằng tiền cho Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm để bù đắp tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm trên cơ sở xác định được chi phí hợp lý để sửa chữa, khắc phục tổn thất có thể phải trả sau khi áp dụng mức khấu trừ (nếu có). UIC chỉ chấp nhận thay thế mới đối với những hạng mục tổn thất không thể khắc phục được theo đánh giá và đề xuất kỹ thuật từ bên chuyên môn hoặc chi phí khắc phục vượt quá 70% giá trị thay mới hạng mục đó.
 - 1.2. Cách xác định số tiền bồi thường:

- 1.2.1. Trường hợp xe được bảo hiểm với số tiền bảo hiểm thấp hơn giá trị thực tế thì số tiền bồi thường của UIC được tính theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm giao kết hợp đồng.
- 1.2.2. Trường hợp xe được bảo hiểm bằng hoặc trên giá trị thực tế, UIC bồi thường theo giá trị thực tế của bộ phận đó ngay trước khi xe bị tai nạn. Cách xác định chi phí hợp lý cho bộ phận hư hỏng phải thay thế mới được tính bằng chi phí thay thế thực tế trừ đi số tiền khấu hao (trừ trường hợp có thỏa thuận bảo hiểm bổ sung bồi thường không áp dụng khấu hao thay mới), phần tính khấu hao được tính cụ thể như sau:
 - Xe dưới 3 năm: khấu hao 0%.
 - Xe từ 3 năm đến dưới 6 năm: khấu hao 15% giá trị bộ phận thay mới.
 - Xe từ 6 năm đến dưới 10 năm: khấu hao 25% giá trị bộ phận thay mới.
 - Xe từ 10 năm đến dưới 15 năm: khấu hao 35% giá trị bộ phận thay mới.
 - Xe từ 15 năm: khấu hao 50% giá trị bộ phận thay mới.

2. Bồi thường tổn thất toàn bộ

- 2.1. UIC bồi thường tổn thất toàn bộ trong trường hợp xe bị thiệt hại trên 75% theo đánh giá và đề xuất kỹ thuật từ bên chuyên môn hoặc chi phí sửa chữa thiệt hại bằng hoặc trên 75% giá trị trường của xe được bảo hiểm tại thời điểm tổn thất.
- 2.2. UIC có trách nhiệm bồi thường tổn thất toàn bộ do xe bị mất trộm, mất cướp khi nguyên nhân được điều tra và kết luận bởi cơ quan công an có thẩm quyền.
- 2.3. Trong trường hợp tổn thất toàn bộ, giá trị trường của xe cùng chủng loại và thông số kỹ thuật với được bảo hiểm tại thời điểm tổn thất là căn cứ để tính toán xác định bồi thường.

3. Thu hồi tài sản sau bồi thường

Khi UIC đã bồi thường tổn thất bộ phận hoặc toàn bộ xe thì bộ phận hư hỏng hoặc toàn bộ xe đó thuộc quyền sở hữu của UIC, cụ thể:

- 3.1. Đối với trường hợp bồi thường thay mới bộ phận, UIC sẽ thu hồi bộ phận hư hỏng đã được trả tiền bồi thường thay mới (kể cả trường hợp trừ khấu hao).
- 3.2. Đối với trường hợp bồi thường tổn thất toàn bộ, sau khi UIC đã thay thế hoặc trả tiền bồi thường, UIC có quyền thu hồi tài sản bị thiệt hại. Trường hợp tham gia bảo hiểm dưới giá trị thì UIC thu hồi phần giá trị tương đương theo tỷ lệ tham gia bảo hiểm. Trường hợp Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm có yêu cầu nhận lại chiếc xe bị tổn thất toàn bộ, UIC sẽ giảm số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ tương đương giá trị thu hồi chiếc xe bị tổn thất theo định giá của UIC.
- 3.3. Đối với trường hợp bồi thường xe bị mất trộm, mất cướp sau đó tìm được xe bị mất trộm, mất cướp thì UIC được quyền sở hữu toàn bộ chiếc xe đó.

4. Nguyên tắc tính toán bồi thường

UIC xem xét và tính toán số tiền bồi thường theo thứ tự sau:

- 4.1. Xác định chi phí cần thiết và hợp lý để sửa chữa xe, khắc phục tổn thất và quyền lợi bảo hiểm khác.
- 4.2. Áp dụng các giảm trừ bảo hiểm theo thứ tự: khấu hao thay mới bộ phận, giảm trừ do bảo hiểm dưới giá trị, giảm trừ do chế tài.
- 4.3. Trừ mức khấu trừ/miễn thường.
- 4.4. Trừ bán thanh lý tài sản (nếu có).
- 4.5. Áp dụng bảo hiểm trùng (nếu có).
- 4.6. Hoặc các giảm trừ khác (nếu có)

Điều 14. Mức Khấu Trừ

1. Mức khấu trừ là số tiền được ấn định trong Hợp Đồng Bảo Hiểm mà Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm phải tự chịu trong mỗi và mọi vụ tổn thất đối với xe tham gia bảo hiểm vật chất xe tại UIC. Trong mọi trường hợp, UIC luôn áp dụng một mức khấu trừ bắt buộc và tối thiểu 500.000 (năm trăm nghìn) Đồng/vụ tổn thất.
2. Mức khấu trừ theo bậc thang là số tiền được ấn định trong Hợp Đồng Bảo Hiểm mà Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm phải tự chịu số tiền tăng dần theo số lần tổn thất cụ thể vụ tổn thất đầu tiên Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm tự chịu 500.000 Đồng, vụ tổn thất thứ hai là 1.000.000 Đồng và từ vụ tổn thất thứ 3 là 2.000.000 Đồng. Trong mọi trường hợp, UIC luôn áp dụng một mức khấu trừ bắt buộc và tối thiểu 500.000 (năm trăm nghìn) Đồng/vụ tổn thất.

Vụ tổn thất được hiểu là một tai nạn bất ngờ không lường trước xảy ra tại một địa điểm, ở một thời điểm và một diễn biến và nguyên nhân.

Điều 15. Giảm Trừ Bồi Thường

1. UIC thực hiện giảm trừ bồi thường/chế tài theo tỷ lệ trong một số trường hợp sau đây:
 - 1.1. Giảm trừ 10% trong các trường hợp sau:
 - 1.1.1. Khi xảy ra tổn thất/tai nạn, Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm không thông báo ngay đến Tổng Đài (Call-Center/Hotline) của UIC để phối hợp giải quyết tai nạn.
 - 1.1.2. Không thông báo ngay cho cơ quan công an hoặc cơ quan chức năng hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất (ngoại trừ các trường hợp bất khả kháng và được UIC xác nhận) khi:
 - * Tổn thất/tai nạn liên quan đến bên thứ ba;
 - * Tổn thất/tai nạn không liên quan đến bên thứ ba nhưng có thiệt hại ước tính lớn hơn 10 triệu đồng
 - 1.1.3. Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm không thực hiện đầy đủ các biện pháp cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường tổn thất trừ trường hợp di chuyển để đảm bảo an toàn hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
 - 1.1.4. Giảm trừ đến 30% trong trường hợp việc vi phạm 2 trách nhiệm trên làm gia tăng mức độ thiệt hại.
 - 1.2. Giảm trừ 25% trong các trường hợp sau:
 - 1.2.1. Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm tự ý tháo dỡ hoặc sửa chữa xe bị thiệt hại khi chưa có ý kiến chấp thuận của UIC (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền).
 - 1.2.2. Xe vượt quá tốc độ cho phép từ 20% đến 50%.
 - 1.3. Giảm trừ từ 50% đến 100% số tiền bồi thường hoặc giảm trừ số tiền bồi thường tùy theo mức độ lỗi của Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm trong trường hợp Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm từ chối chuyển quyền cho UIC, không bảo lưu hoặc từ bỏ quyền yêu cầu người thứ ba bồi thường (bao gồm nhưng không giới hạn ở việc cung cấp kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ tài liệu cần thiết để đòi lại bên thứ ba hoặc tự động thỏa thuận bồi thường với bên thứ ba gây thiệt hại).
 - 1.4. Giảm số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ % chở quá trọng tải, số người (từ trên 20% đến dưới 50%) theo quy định trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
 - 1.5. Giảm số tiền bồi thường theo tỷ lệ giữa số phí thực nộp và số phí phải nộp theo quy định trong trường hợp:
 - 1.5.1. Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm kê khai giấy yêu cầu bảo hiểm sai (không đúng mục đích sử dụng của xe) làm thu thiếu phí bảo hiểm so với quy định.
 - 1.5.2. Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm không thông báo cho UIC trong trường hợp có sự gia tăng mức độ rủi ro bảo hiểm để bổ sung phí bảo hiểm (như chuyển đổi mục đích sử dụng, hoán cải, nâng cấp làm tăng giá xe).
2. Nguyên tắc giảm trừ số tiền bồi thường

Khi Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm bị giảm trừ số tiền bồi thường theo nhiều tỷ lệ khác nhau cho các hành vi vi phạm khác nhau, UIC sẽ lựa chọn áp dụng duy nhất một loại giảm trừ số tiền bồi thường theo tỷ lệ cao nhất.

Điều 16. Thanh Toán Phí Bảo Hiểm

1. Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm có nghĩa vụ thanh toán Phí bảo hiểm đúng và đủ theo thời hạn thanh toán được ghi trong Hợp Đồng Bảo Hiểm. Điều kiện tiên quyết để phát sinh trách nhiệm bồi thường bảo hiểm là Phí bảo hiểm phải được đóng đầy đủ và đúng hạn theo thời hạn thanh toán Phí bảo hiểm được ghi trong Hợp Đồng Bảo Hiểm (sau đây gọi là "Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm") cho UIC hoặc tổ chức, cá nhân được UIC ủy quyền thu phí. Trong mọi trường hợp nếu Phí bảo hiểm không được đóng đầy đủ và đúng hạn (bởi Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm hoặc bởi một phương thức khác được UIC đồng ý) theo Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (dù toàn bộ hay một phần), thì UIC sẽ không chịu trách nhiệm trả tiền bồi thường bảo hiểm cho bất kỳ tổn thất hay sự kiện bảo hiểm nào xảy ra sau ngày hết Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, bất kể Hợp Đồng có bị chấm dứt hay không.
2. Khi đã có tổn thất hoặc sự kiện bảo hiểm xảy ra thì UIC có quyền thu ngay tất cả các khoản Phí bảo hiểm của toàn bộ Hợp Đồng trước khi bồi thường bảo hiểm, bất kể các khoản phí đó đã đến hạn thanh toán hay chưa. UIC có quyền khấu trừ bất kỳ khoản Phí bảo hiểm chưa thanh toán nào (dù đến hạn hay chưa) vào khoản tiền chi trả bồi thường bảo hiểm.

PHẦN IV. ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG

Ngoài các điều khoản điều kiện quy định trong Quy Tắc này, để đáp ứng nhu cầu tham gia bảo hiểm của Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm, UIC sẽ đưa ra thêm các điều khoản bổ sung để Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm lựa chọn. Tùy thuộc vào mức độ gia tăng phạm vi bảo hiểm theo điều khoản bổ sung mà Chủ Hợp Đồng Bảo Hiểm yêu cầu tham gia, UIC sẽ thu thêm phụ phí bảo hiểm tương ứng.

PHẦN 2

QUY TẮC BẢO HIỂM TAI NẠN LÁI XE, PHỤ XE VÀ NGƯỜI NGỒI TRÊN XE

PHẦN I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Theo Phần 1: Quy Tắc Bảo Hiểm Vật Chất Xe Ô tô

PHẦN II. QUY ĐỊNH CHUNG

Theo Phần 1: Quy Tắc Bảo Hiểm Vật Chất Xe Ô tô trừ Điều 8. Bảo hiểm trùng

PHẦN III. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 1: Đối tượng bảo hiểm

Người điều khiển xe, phụ xe và những người khác được chở trên xe cơ giới (gọi chung là Người được bảo hiểm).

Điều 2: Phạm vi bảo hiểm

Thiệt hại thân thể đối với người được bảo hiểm do tai nạn khi đang ở trên xe, lên xuống xe trong quá trình xe đang tham gia giao thông.

Điều 3: Không thuộc phạm vi bảo hiểm

UIC không phải chịu trách nhiệm đối với những thiệt hại về thân thể của người được bảo hiểm trong trường hợp sau:

1. Tồn thất, tai nạn xảy ra ngoài lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam (trừ khi có thỏa thuận khác);
2. Tồn thất xảy ra trong những trường hợp: Chiến tranh, khủng bố;
3. Người được bảo hiểm có hành động cố ý gây thiệt hại;
4. Người được bảo hiểm tham gia đánh nhau trừ khi được xác nhận đó là hành động tự vệ;
5. Người được bảo hiểm là người điều khiển xe trong tình trạng có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở, sử dụng ma túy và chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật;
6. Người được bảo hiểm là người điều khiển xe không có Giấy phép lái xe hoặc Giấy phép lái xe không phù hợp đối với loại xe cơ giới bắt buộc phải có Giấy phép lái xe;
7. Xe sử dụng để tập lái, đua thể thao, đua xe (kể cả hợp pháp hay trái phép);
8. Xe chở hàng trái phép theo quy định của pháp luật hoặc không thực hiện các quy định về vận chuyển, xếp dỡ hàng hóa theo quy định của pháp luật gây tử vong hoặc thương tật thân thể cho Người được bảo hiểm.

Điều 4: Quyền lợi người được bảo hiểm

1. Trường hợp Người được bảo hiểm bị chết do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm: UIC trả toàn bộ số tiền bảo hiểm ghi trong Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm.
2. Trường hợp người được bảo hiểm bị thương tật thân thể:

a. Thương tật vĩnh viễn do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm: Được bồi thường theo Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm ban hành kèm theo Quyết định số 05/TC-BH ngày 02 tháng 01 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

b. Thương tật tạm thời do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm, số tiền bồi thường được tính theo một số chi phí hợp lý nhất định như sau:
Chi phí y tế thực tế và chi phí bồi dưỡng (tối đa không vượt quá 0,1% số tiền bảo hiểm/ngày) cho người bị thương trong thời gian điều trị thương tật, nhưng không vượt quá tỷ lệ trả tiền quy định tại Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm ban hành kèm theo Quyết định số 05/TC-BH ngày 02 tháng 01 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Số ngày điều trị được xác định bởi một trong hai trường hợp sau, tùy số ngày nào ngắn hơn (nhưng tối đa không quá 180 ngày/vụ):

Số ngày điều trị nội trú trong bệnh viện và điều trị sau khi xuất viện. Số ngày điều trị sau khi xuất viện được xác định theo chỉ định của bác sĩ điều trị.

Số ngày nghỉ không đi làm do hậu quả của tai nạn được xác định theo xác nhận của nơi công tác.

Những trường hợp thương tật không được liệt kê trong Bảng tỷ lệ sẽ được bồi thường trên cơ sở so sánh tính nghiêm trọng của nó với trường hợp khác có nêu trong Bảng tỷ lệ này.

3. Nếu tại thời điểm xảy ra tai nạn, số người thực tế lớn hơn số người được bảo hiểm ghi trên Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm thì mức trả tiền bảo hiểm sẽ giảm theo tỷ lệ giữa số người được bảo hiểm với số người thực tế trên xe.
4. Trường hợp bị tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm, trong thời hạn của hợp đồng bảo hiểm, Người được bảo hiểm bị chết do hậu quả của tai nạn đó: UIC sẽ trả phần chênh lệch giữa Số tiền bảo hiểm ghi trong hợp đồng bảo hiểm với số tiền bảo hiểm đã trả trước đó.
5. Trường hợp hậu quả của tai nạn thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm bị trầm trọng hơn do bệnh tật hoặc sự tàn tật có sẵn của Người được bảo hiểm hoặc điều trị thương tật thân thể không kịp thời và không theo chỉ dẫn của cơ sở y tế thì UIC chỉ trả tiền bảo hiểm như đối với loại thương tật tương tự ở người có sức khỏe bình thường được điều trị một cách hợp lý.

Điều 5: Trả tiền bồi thường

Tiền bồi thường bảo hiểm được trả cho Người được bảo hiểm hoặc người đại diện hợp pháp của Người được bảo hiểm.

PHẦN 3

QUY TẮC BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE CƠ GIỚI

Trên cơ sở yêu cầu của Chủ xe/Người được bảo hiểm, UIC thỏa thuận bảo hiểm cho phần trách nhiệm vượt mức bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới theo quy định của Bộ Tài chính theo Quy Tắc bảo hiểm sau:

Áp dụng theo Quy tắc bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ban hành theo Thông Tư số 04/2021/TT-BTC ngày 15/01/2021 của Bộ Tài chính.